

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/DS-PT

Ngày: 10-9-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hoàng Linh

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Quý Chi

Bà Lê Hồng Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thị Lua - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 03 tháng 9 đến ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1986; Trú tại: Khu phố 3, phường Tiên Thành, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Vắng mặt”

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Phương Th, sinh năm 1962; Trú tại: Số nhà 115/999, ngõ 115, tổ 3, khu phố L, phường X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

+ *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Ông Hà Văn T, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 2, khu phố PT1, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

+ *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bà Lữ Thị Hồng P, sinh năm 1981; Trú tại: 492 Quốc lộ 14, tổ 1, khu phố PT1, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

2. Bà Trần Thị Kim H2, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ 2, khu phố PT1, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

3. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1986; Trú tại: Khu phố Phú Thanh, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Vắng mặt”

4. Bà Trương Minh H3, sinh năm 1986; Trú tại: Khu phố Phú Thanh, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Vắng mặt”

+ *Người làm chứng:*

1. Bà Lưu Thị H4, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ 7, khu phố T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

2. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1968; Trú tại: Số 559 Quốc lộ 14, tổ 8, khu phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

***Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Nguyễn Thị H

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Năm 2018, 2019, vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn T nhờ bà Lê Thị Kim O vay tiền của người khác giúp vợ chồng bà H, ông T để vợ chồng bà H, ông T lấy vốn kinh doanh bất động sản, bà H, ông T hứa sẽ cho bà O tiền hoa hồng. Theo như thỏa thuận nêu trên, vào năm 2018, 2019, bà O có vay tiền của nhiều người và đưa hết cho vợ chồng bà H, ông T làm vốn kinh doanh. Tổng số tiền bà O đưa vợ chồng bà H, ông T vay là 9.200.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 08/9/2018, bà O cho vợ chồng bà H, ông T vay 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng);

- Ngày 09/11/2018, bà O cho vợ chồng bà H, ông T vay lần một 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

- Ngày 09/11/2018, bà O cho vợ chồng bà H, ông T vay lần hai 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng);

- Ngày 09/8/2019, bà O cho vợ chồng bà H, ông T vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng);

- Ngày 15/9/2019, bà O cho vợ chồng bà H, ông T vay 810.000.000 đồng (Tám trăm mười triệu đồng);

- Ngày 26/9/2019, bà O cho vợ chồng bà H, ông T vay 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng);

- Ngày 09/10/2019, bà O cho vợ chồng bà H, ông T vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng);

- Ngày 17/10/2019, bà O cho vợ chồng bà H, ông T vay 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng).

Khi vay tiền của người khác, bà O viết giấy đứng tên người vay. Khi bà O đưa tiền cho vợ chồng bà H, ông T vay lại, bà O có đưa cho vợ chồng bà H, ông T xem các giấy mà bà O vay tiền của người khác. Khi vay tiền của bà O, bà H viết

giấy vay với bà O, trong giấy vay tiền của bà O, bà H chỉ viết ngày vay, số tiền vay, không viết lãi suất và ngày trả nợ gốc, nhưng bà O và vợ chồng bà H, ông T đã thống nhất, vợ chồng bà H, ông T sẽ đưa tiền cho bà O để bà O trả tiền lãi và tiền gốc cho những người bà O đã vay đúng với lãi suất và thời hạn như các giấy vay bà O đã đưa cho vợ chồng bà H, ông T xem. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bà H, ông T đã vi phạm cam kết không cho bà O tiền hoa hồng như đã hứa, không đưa tiền cho bà O để bà O trả nợ cho những người bà O vay giúp nên những người bà O đã vay tiền đã tố cáo bà O, kiện bà O, đe dọa bà O khiến bà O lâm vào tình trạng luôn lo âu, sợ hãi. Bà O đã yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả tiền cho bà O rất nhiều lần nhưng vợ chồng bà H, ông T vẫn không trả.

Ngày 07/9/2020, bà O làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O số tiền nợ gốc 9.200.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền nợ gốc nêu trên với lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật tính từ ngày khởi kiện (ngày 07/9/2020) cho đến ngày bà H, ông T thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa, bà Trần Phương Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là phía nguyên đơn rút phần yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nợ gốc 9.200.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm triệu đồng) với lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật tính từ ngày khởi kiện (ngày 07/9/2020) cho đến ngày bà H, ông T thanh toán hết nợ. Nguyên đơn bà O chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông T phải có nghĩa vụ liên đới phải cho bà Lê Thị Kim O số tiền nợ gốc 9.200.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm triệu đồng), bà O không yêu cầu tính lãi.

***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn T thống nhất đến thời điểm nay bà H và ông T còn nợ bà O số tiền 9.200.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm triệu đồng) như theo đơn khởi kiện của bà O. Do việc các bên vay mượn và làm ăn từ lâu nên nay bà H và ông T xin được thanh toán một nửa số tiền theo đơn khởi kiện của bà O là 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng).

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:***

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O về việc buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn T phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 9.200.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm triệu đồng) với lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật tính từ ngày khởi kiện (ngày 07/9/2020) cho đến ngày thanh toán hết nợ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Kim O số tiền nợ gốc là 9.200.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm triệu đồng).

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông Hà Văn T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị H trả nợ cho bà Lê Thị Kim O;

Người kháng cáo bị đơn bà H tự nguyện rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không buộc ông T có nghĩa vụ liên đới với bà H trả nợ cho bà O;

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

### *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS);

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật TTDS nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông Hà Văn T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị H trả nợ cho bà Lê Thị Kim O; bị đơn bà H tự nguyện rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không buộc ông T có nghĩa vụ liên đới với bà H trả nợ cho bà O. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo nêu trên do đương sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ các Điều 289, Điều 295, 298, 299, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật TTDS, Hội đồng xét xử quyết định hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ liên đới của bị đơn ông T; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo về nội dung này của bị đơn bà H.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo còn lại của bị đơn bà Nguyễn Thị H nhận thấy:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn căn cứ vào các giấy tờ cho vay

tiền với số tiền tổng cộng là 9.200.000.000 đồng để khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ, cụ thể gồm các giấy tờ vay tiền vào các ngày 08/9/2018: 800.000.000 đồng; ngày 09/11/2018: 1.500.000.000 đồng (02 lần: 500.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng); ngày 09/8/2019: 2.000.000.000 đồng; ngày 15/9/2019: 810.000.000 đồng; ngày 26/9/2019: 1.700.000.000 đồng; ngày 09/10/2019: 2.000.000.000 đồng và ngày 17/10/2019: 390.000.000 đồng (Bút lục số 205-212).

Theo nguyên đơn, đây là các khoản tiền mà bà O cho bà H, ông T vay mục đích để kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, trong các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp chỉ có các ngày 08/9/2018, ngày 09/11/2018, ngày 09/8/2019, ngày 26/9/2019 và ngày 18/10/2019 là thể hiện số tiền bà H vay của bà O. Các giấy tờ còn lại vào các ngày 09/11/2018, ngày 15/9/2019, ngày 09/10/2019 và ngày 17/10/2019 không thể hiện đây là khoản tiền bà H vay của bà O, cụ thể: Biên nhận ngày 09/11/2018: *“Tiền đất 7x30m trong đó 100m<sup>2</sup> thổ cư giá chuyển nhượng 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Nguyễn Thị H đã nhận đủ 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng)”* (Bút lục số 207); *Tiền linh tinh tổng cộng 410.000.000 + 40.000.000 Thủy = 450.000.000 + 120.000.000 câu + 60.000.000 = 630.000.000 + 180.000.000 Oanh Mới. Tổng cộng ngày 15/9 là 810.000.000* (Bút lục số 209); Giấy vay tiền ngày 09/10/2019 *“Hương vay ngân hàng tên Đen đứng 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng)”* (Bút lục số 211); *Ngày 17/10 Hương lấy 390.000.000đ của Vũ* (Bút lục số 212), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, xác minh, đối chất làm rõ.

Bên cạnh đó, tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà H có bản tự khai và lời khai trình bày trong tổng số tiền 9.200.000.000 đồng của bà O thì bà H chỉ chấp nhận 3.000.000.000 đồng, do Hương đã thay bà O trả nợ cho Ngân hàng và một số cá nhân khác có chứng cứ đầy đủ và số tiền này lãi cộng lãi dồn lên thành 6.200.000.000 đồng bà H không đồng ý trả; tất cả các khoản tiền của bà O thì bà H phải trả lãi cao nên đề nghị truy thu lại; khoản 1.000.000.000 đồng ngày 09/11/2018 là tiền gốc và lãi cộng dồn và viết hợp đồng đặt cọc để mua đất, bà O nhận của bà H 100.000.000 đồng để làm sổ tách thửa để mua đất của bà H, nhưng trong quá trình tách thửa bà O để đó và tiếp tục tính lãi do bà O không làm sổ được (Bút lục số 171, 172, 178). Mặc dù vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ, xác minh, đối chất làm rõ; không giải thích, hướng dẫn, thông báo cho bà H thực hiện quyền yêu cầu phản tố, mà chỉ căn cứ vào nội dung thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông T để xem xét, trong khi bản tự khai và lời khai của bà H đã có trước thời điểm ủy quyền là vi phạm thủ tục tố tụng, giải quyết chưa triệt để vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã triệu tập một số cá nhân mà bà H cho rằng đã trả nợ thay cho bà O, nhưng chỉ có bà P, ông T2, bà H4 có mặt. Qua lời khai của các bên đối chiếu với một số tài liệu, chứng cứ đã thu thập được còn mâu thuẫn về thời gian, số tiền, việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ, nhưng do nguyên đơn bà O không có mặt để trực tiếp trình bày, đối chất làm rõ. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không nắm rõ các giao dịch, thỏa thuận trước đây giữa bà O với các cá nhân này, nên Tòa án cấp phúc thẩm chưa thể khắc phục được. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn còn cho rằng trước khi khởi kiện, giữa bà O và bà H đã thỏa thuận cầm trừ một số khoản tiền giữa hai người (vì vậy nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ 9.200.000.000 đồng trong tổng số tiền 18.640.000.000 đồng), trong đó có khoản tiền vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Q - Tây Bình Phước, nhưng không nắm rõ được cụ thể. Những vấn đề này trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng chưa được thu thập chứng cứ, lấy lời khai, đối chất, xác minh làm rõ.

### [3.2] Liên quan đến quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 07/12/2020, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT) số 13/2020/QĐ-BPKCTT về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 Bộ luật TTDS đối với tài sản là quyền sử dụng đất (QSDĐ) của bà H và ông T thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13, diện tích 51110m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, đất có Giấy chứng nhận QSDĐ số: AB 340765, sổ vào sổ cấp GCN: H621/QSDĐ/1840/QĐ-UB do UBND huyện Đồng Phú cấp cho hộ ông Hoàng Xuân Bình ngày 18/8/2005, được chỉnh lý trang 4 sang tên cho ông Hà Văn T ngày 08/12/2017.

Trong khi đó, theo đơn khiếu nại gửi TAND tỉnh của bà Lữ Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Q, bà Trần Thị Kim H2 và kết quả xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) thành phố Đ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (BIDV) chi nhánh Bình Phước thấy rằng:

Bà P, bà H2, bà Q, bà H3 là những người được thi hành án theo các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của TAND thành phố Đ. Theo đó, bà H, ông T có nghĩa vụ trả cho bà P 4.200.000.000 đồng; trả cho bà H2 15.000.000.000 đồng; trả cho bà Q 12.000.000.000 đồng và trả cho bà H3 4.800.000.000 đồng. Tổng cộng là 36.000.000.000 đồng.

Ngày 17/11/2020, tại Chi cục THADS, bà P, bà H2, bà Q, bà H3 với bà H, ông T đã thỏa thuận thi hành án. Theo đó, bà H, ông T giao cho bà P, bà H2, bà Q, bà H3 thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 nêu trên để cầm trừ vào nghĩa vụ thi hành án; bà P, bà H2, bà Q, bà H3 phải thay bà H, ông T nộp tiền vào BIDV chi nhánh Bình Phước số tiền 4.000.000.000 đồng để trả thay khoản vay của bà H, ông T để nhận lại giấy chứng nhận QSDĐ; nộp thay cho bà H, ông T các khoản án phí là 233.900.000 đồng; hỗ trợ cho bà H, ông T 500.000.000 đồng... Nội dung thỏa thuận thi hành án nêu trên được Chấp hành viên ghi nhận, lập biên bản; đối với số tiền phải thi hành án còn lại bà P, bà H2, bà Q, bà H3 tự nguyện rút yêu cầu nên Chi cục THADS ra quyết định đình chỉ thi hành án vào ngày 18/11/2020.

Trong cùng ngày 17/11/2020, Chi cục THADS có Công văn số 708/CCTHADS gửi TAND thành phố Đ thông báo nội dung thỏa thuận thi hành án nêu trên giữa bà P, bà H2, bà Q, bà H3 và bà H, ông T. Đồng thời, vợ chồng bà Q đại diện cho bà P, bà H2, bà Q, bà H3 chuyển khoản và trực tiếp nộp tiền vào BIDV chi nhánh Bình Phước số tiền 4.000.000.000 đồng theo thỏa thuận thi hành án nêu trên để trả nợ thay khoản vay của bà H, ông T. Vì vậy, BIDV chi nhánh

Bình Phước đã trả lại giấy chứng nhận QSDĐ cho bà H, ông T, để đến ngày 18/11/2020 các bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13, trong khi thủ tục chuyển nhượng, sang tên chưa thực hiện xong thì bị áp dụng BPKCTT nêu trên.

Theo quy định tại Điều 140 và Điều 291 Bộ luật TTDS và Điều 18 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật TTDS (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2020), chỉ có đương sự mới có quyền khiếu nại Quyết định áp dụng BPKCTT. Trong khi đó, Tòa án cấp sơ thẩm mặc dù đã biết được sự việc thỏa thuận thi hành án nêu trên (do Chi cục THADS thông báo vào ngày 17/11/2020), nhưng khi nguyên đơn bà O yêu cầu áp dụng BPKCTT phong tỏa thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 lại không làm việc, xác minh, đưa bà P, bà H2, bà Q, bà H3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để xem xét, xử lý các yêu cầu của các bên liên quan (công nhận nội dung thỏa thuận thi hành án; công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ; yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng BPKCTT; xử lý các khoản tiền đã nộp...) nếu có là giải quyết chưa triệt để vụ án. Đồng thời, do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà P, bà H2, bà Q, bà H3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không có quyền kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm liên quan đến Quyết định áp dụng BPKCTT số 13, cũng như không có quyền khiếu nại tại cấp phúc thẩm, trong khi một phần Bản án sơ thẩm quyết định duy trì BPKCTT để đảm bảo thi hành án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, bà H2, bà Q, bà H3.

[4] Từ những nhận định trên nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã thu thập chưa đầy đủ tài liệu, chứng cứ, giải quyết vụ án chưa triệt để, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và người có liên quan. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, hủy Bản án sơ thẩm đối với những nội dung còn lại và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên án phí và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H được chấp nhận một phần, nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các Điều 289, Điều 295, 298, 299, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy một phần Bản án sơ thẩm thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O đối với yêu cầu bị đơn ông Hà Văn T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị H trả nợ cho bà O; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo về nội dung này của bị đơn bà H.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đối với những nội dung còn lại ngoài quyết định hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên án phí và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0026184, quyển số 000524, ngày 14/4/2021.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Công TTĐT TAND tối cao;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Vũ Hoàng Linh**